

Công ty mẹ - công ty con (CTM-CTC) là một tổ hợp gồm nhiều doanh nghiệp (DN) có tư cách pháp nhân độc lập, trong đó DN có tiềm lực mạnh nhất về vốn, công nghệ, thị trường đầu tư và chi phối DN khác trở thành Công ty mẹ (CTM); DN nhận vốn đầu tư và bị DN khác chi phối trở thành công ty con (CTC). Việc chi phối kiểm soát chủ yếu là về vốn, công nghệ, thị trường, thương hiệu

Mô hình

Công ty mẹ - con

Giải pháp thay thế Tổng công ty Nhà nước

ThS. NGUYỄN NGỌC DŨNG

Một CTM với nhiều CTC hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, địa bàn khác nhau tạo nên thế mạnh chung gọi là “tập đoàn”. Các mối quan hệ về vốn, về quyền lợi nghĩa vụ giữa CTM và các CTC được xác định rõ ràng trên cơ sở vốn đầu tư. Đây là điểm mấu chốt trong mô hình CTM-CTC.

Ưu , nhược điểm của mô hình CTM - CTC

Ưu điểm :

- Sự gắn kết giữa CTM-CTC chủ yếu bằng đầu tư tài chính, góp vốn. Phân định được trách nhiệm, quyền hạn của CTM căn cứ vào số vốn đầu tư vào CTC.
- Do đầu tư vào nhiều ngành nghề SXKD khác nhau nên CTM-CTC phân tán rủi ro, đảm bảo cho hoạt động được an toàn, hiệu quả và tận dụng được cơ sở vật chất cũng như khả năng lao động của CTM-CTC. Đồng thời, với ưu thế vốn lớn, có khả năng chi phối và cạnh tranh mạnh trên thị trường, mở rộng nhanh chóng qui mô SXKD, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu thị trường, tạo ra doanh thu lớn. Hơn nữa, việc xây dựng mô hình CTM-CTC sẽ hình thành đơn vị có phạm vi hoạt động không chỉ bó hẹp trong phạm vi một quốc gia mà mở rộng trên nhiều nước, thậm chí trên toàn thế giới. Điều này sẽ tạo điều kiện cho các tập đoàn kinh tế (TĐKT) Việt Nam nhanh chóng tiếp cận với thị trường thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế.
- Có khả năng tập trung, điều hòa vốn, khắc phục sự hạn chế về vốn của từng đơn vị riêng biệt. Nguồn vốn của CTM-CTC được huy động từ các công ty thành viên (CTTV) và theo các hình thức được pháp luật cho phép sẽ được tập trung đầu tư vào những lĩnh vực, những dự án có hiệu quả nhất, tránh được tình trạng vốn bị phân tán trong các đơn vị nhỏ hoặc được đầu tư không hiệu quả.

Với việc chi phối thông qua lượng cổ phiếu nắm giữ, một CTM với một lượng vốn hữu hạn vẫn có thể cùng một lúc nắm quyền chi phối nhiều CTC.

Thu hút dòng vốn từ bên ngoài thông qua các CTC bằng cách bán cổ phần ở các công ty ở khối lượng khổng lồ mà CTM vẫn kiểm soát được . Tạo điều kiện cho các CTC có thể huy động vốn trong nội bộ với chi phí sử dụng vốn thấp hơn so với thị trường.

Làm tăng sức mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh của CTM-CTC từ những đơn vị thành viên (ĐVTV). Việc thành lập DN theo mô hình công ty mẹ-công ty con cho phép hạn chế tới mức tối đa sự cạnh tranh giữa các ĐVTV. Bên cạnh mối liên hệ chặt chẽ giữa các ĐVTV sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất phương hướng, chiến lược phát triển kinh doanh, đồng thời hạn chế sự cạnh tranh của các tập đoàn khác. Đặc biệt, đối với Việt Nam thì việc hình thành các TĐKT còn là giải pháp chiến lược để bảo vệ sản xuất trong nước, chống lại sự thâm

nhập của các công ty và các tập đoàn nước ngoài.

- CTM-CTC sẽ đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới vào SXKD của các ĐVTV vì hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật đòi hỏi một khả năng tài chính rất lớn mà mỗi đơn vị riêng lẻ với khả năng tài chính có hạn sẽ không thực hiện được. Với khả năng tập trung điều hòa vốn, CTM sẽ có tác động tích cực trong việc tạo điều kiện triển khai ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lớn đòi hỏi phải có sự hợp tác của đội ngũ cán bộ nghiên cứu và các thiết bị khác mà chỉ trên cơ sở liên kết các đơn vị lại mới thực hiện được. Đồng thời, sự hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong tập đoàn cho phép các ĐVTV có thể nhanh chóng đưa các thành tựu nghiên cứu vào thực tiễn trên qui mô lớn, nâng hiệu quả của kết quả nghiên cứu trên phạm vi rộng.

Nhược điểm :

- **Mô hình CTM-CTC** thường dẫn đến độc quyền, hạn chế cạnh tranh, nên có thể gây tổn thất cho nền kinh tế. Vì vậy, Chính phủ các quốc gia phải thực hiện tốt vai trò quản lý vĩ mô của mình.
- Do bị chi phối bởi CTM nên tính tự chủ trong hoạt động của CTC còn bị hạn chế, vì vậy đôi lúc các CTC sẽ không hoạt động hiệu quả như các công ty hoạt động riêng lẻ.
- Khi CTM tái cơ cấu toàn tổ hợp mẹ con thì có thể loại bỏ một số CTC thông qua việc bán cổ phần của mình.
- Trong quá trình hoạt động, có thể phát sinh mâu thuẫn giữa các CTC và cả tập đoàn. Một số hoạt động của CTC sẽ có lợi cho riêng nó nhưng không có lợi cho tổ hợp mẹ con, đó có thể là mâu thuẫn về phát triển sản phẩm mới, về chiến lược phát triển.

Mô hình CTM-CTC ở các nước:

Việc chuyển đổi sắp xếp một số tổng công ty (TCT), doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở Việt Nam theo MHCTM-CTC được thực hiện dựa trên các nguyên tắc hình thành CTM-CTC ở trên. Thực ra, các TĐKT hoạt động theo mô hình CTM-CTC đã ra đời và tồn tại từ lâu trên nhiều nước. Khởi đầu của việc hình thành TĐKT có thể kể từ khi xuất hiện đầu tàu hỏa chạy bằng hơi nước vào cuối thế kỷ XVIII từ đó đến nay ngày càng nhiều mô hình TĐKT khác nhau hình thành tùy theo mức độ liên kết với các tên gọi như : Cartel, Group, Syndicate, Consortium, Trust Những TĐKT có tên gọi và đặc trưng riêng phù hợp với điều kiện kinh tế của từng quốc gia đó, chẳng hạn.

- Ở Mỹ: có các Holding companies, còn gọi là Bank holding companies. Đó là các CTCP mẹ, được hình thành, nắm giữ các cổ phần của các công ty khác mà nó điều khiển. Loại công ty này rất khó

tìm thấy ở bất kỳ quốc gia nào khác ngoài nước Mỹ. Đây là một pháp nhân mà pháp nhân này kiểm soát ít nhất một ngân hàng.

- Ở Anh: có Group of companies còn gọi là Holding company. Đây là một TĐKT gồm công ty chính (hoặc CTM) cùng với các CTC. Một công ty gọi là CTC của công ty khác nếu CTM nắm giữ hơn 50% vốn cổ phần của nó hoặc nắm được một số cổ phần của nó và điều khiển ban GD.

- Ở Pháp: TĐKT có tên là Groupe. Đây là một tập hợp những công ty được liên kết với nhau bởi những quan hệ tài chính và đặt dưới một sự điều hành kinh tế. Tập đoàn được hình thành bởi một CTM hoặc một công ty khống chế về cổ phần. Trong tập đoàn này, giữ vai trò nòng cốt là CTM. Đây là một công ty tài chính sở hữu một phần quan trọng vốn của những công ty khác nhau về mặt pháp lý của nó. Nó kiểm soát và định hướng hoạt động của CTC này.

- Ở Nhật: các TĐKT có tên gọi riêng là Keiretsu. Nó cũng có đặc điểm chung như các TĐKT nhưng có điểm khác là hầu hết các Keiretsu đều hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Ở Hàn Quốc: mô hình TĐKT được gọi dưới tên là Chaebol. Đây là các tập đoàn lớn, là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế Hàn Quốc. Đặc điểm nổi bật của Chaebol là mức độ đa dạng hóa kinh doanh. Đây cũng là đặc điểm khác biệt so với các Keiretsu của Nhật. Tính quốc tế hóa của các Chaebol rất cao. Một Chaebol có cơ cấu chặt chẽ hơn sẽ dễ dàng quốc tế hóa khi liên kết với các CTTV.

- Ở Đài Loan: TĐKT có tên gọi là Jituanque, đó là các tổ hợp công nghiệp lớn, về đặc điểm không khác gì so với các TĐKT của Nhật và của Hàn Quốc.

- Ở Trung quốc: Tập đoàn kinh doanh là các DN có tư cách pháp nhân và cơ cấu tổ chức bao gồm 1 CTM và các CTC. CTM là công ty 100% vốn Nhà nước, các CTC có thể 100% Nhà nước hoặc CTCP. Tập đoàn kinh doanh này được hình thành bằng ba cách: Thứ nhất, do Chính phủ chủ động quyết định thành lập bằng quyết định hành chính; Thứ hai, do một số DNNN làm nòng cốt đầu tư vào các DN khác; Ba là, thông qua hoạt động mua bán và sáp nhập giữa các DN.

Trong Triết

Việt Nam và Trung Quốc có rất nhiều điểm tương đồng về văn hóa, lịch sử phát triển, cùng là các nước theo mô hình xã hội chủ nghĩa nên kinh nghiệm thực hiện mô hình CTM-CTC của Trung Quốc rất có ý nghĩa với Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện mô hình này, có một số điểm khác biệt là các tập đoàn kinh doanh của Trung Quốc đã được cổ phần hóa (CPH), hoặc đang CPH mạnh mẽ, có tiềm lực tài chính, kỹ thuật, công nghệ tương đối mạnh. Ngoài ra, theo kinh nghiệm của Trung Quốc thì không nên cho phép CTC đầu

tư ngược lại CTM vì như vậy, rất khó xác định công ty nào là CTM và công ty nào là CTC, gây lộn xộn trong tổ chức và quản lý.

Đối với nước ta, việc chuyển DNNN sang hoạt động theo mô hình CTM-CTC thực chất là sự đổi mới tổ chức quản lý DNNN, khắc phục những mặt hạn chế của mô hình tổ chức quản lý trong các TCT Nhà nước hiện nay, để tạo điều kiện cho các DN quy mô lớn này tiếp tục phát triển và thực sự trở thành chủ thể đầu tư trong nền kinh tế thị trường. Mô hình CTM-CTC là mô hình còn mới mẻ và đang thực hiện thí điểm ở nước ta, do vậy, khi thực hiện mô hình này, đòi hỏi chúng ta phải có sự nghiên cứu vận dụng cho phù hợp với điều kiện hiện tại của nền kinh tế, cũng như của mỗi DN. Quá trình thực hiện mô hình CTM-CTC của Trung Quốc đã cung cấp cho kinh nghiệm giúp chúng ta có nhận thức đúng đắn và tìm được cơ chế chuyển đổi có hiệu quả khi áp dụng mô hình này.

Cơ chế quản lý vốn của CTM-CTC trên thế giới

Hiện nay, trên thế giới đang tồn tại một số CTM-CTC theo cơ chế quản lý vốn là:

- Mô hình cấu trúc sở hữu đơn giản: CTM (công ty cấp 1) nắm giữ cổ phần của các CTC (công ty cấp 2). Các CTC lại đầu tư vốn nắm giữ các cổ phần của các công ty cháu (công ty cấp 3). Đây là dạng đơn giản nhất trong các loại cấu trúc tài chính của các tập đoàn hiện đại, vì vậy, trên thực tế các kiểu cấu trúc này ít tồn tại.

- Mô hình đầu tư và kiểm soát lẫn nhau giữa các công ty (CT) đồng cấp: các CTC (cấp 2) nắm giữ một phần cổ phiếu của công ty cùng cấp, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ trong tập đoàn. Hầu hết các tập đoàn lớn của Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc đều có cấu trúc tương tự mô hình này.

- Mô hình CTM trực tiếp đầu tư và kiểm soát một số CT chi nhánh không thuộc cấp dưới trực tiếp: CTM đầu tư trực tiếp vào các công ty chi nhánh ở cấp dưới (cấp 3).

- Mô Hình CTM là CTC của một số công ty khác (tập đoàn trong tập đoàn): CTM là CTM của tập đoàn lại là CTC do một số công ty khác kiểm soát về vốn.

- Mô hình quan hệ tài chính hỗn hợp: kết hợp tất cả các quan hệ sở hữu cổ phần của các mô hình nói trên và là mô hình phức tạp nhất về mặt sở hữu. Các công ty cùng cấp và khác cấp nắm giữ cổ phiếu của nhau và có các quan hệ đầu tư đan xen lẫn nhau.

Đánh giá hoạt động các TCT nhà nước ở Việt Nam

Trong thời gian qua các TCT nhà nước có vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế, tạo

đà phát triển và góp phần không nhỏ tạo nên những khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam. Các TCT này đã và đang tiếp tục chi phối nhiều ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như TCT Dầu khí, TCT Bưu chính viễn thông, TCT Hàng không... , là đầu mối xuất khẩu hầu hết những ngành có kim ngạch xuất khẩu cao như TCT Dệt may, TCT Thủy sản... Nhiều TCT đã trở thành tổng thầu các công trình công nghiệp lớn và có những mặt hàng chất lượng cao có khả năng cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trong khu vực. Đặc biệt, nhiều TCT đã có khả năng phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong giai đoạn vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do những biến động của thị trường thế giới và một số điều kiện không thuận lợi, nhưng nhìn chung các TCT nhà nước vẫn đạt được kết quả kinh doanh khá.

Thực tiễn của Việt Nam đến cuối năm 2007 các TCT đạt được kết quả như sau:

Một là, nhiều TCT thể hiện vai trò chủ lực, xương sống của nền kinh tế, hoạt động SXKD có hiệu quả, duy trì tỷ lệ tăng trưởng tương đối cao, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, ổn định việc làm, nâng cao đời sống người lao động và tích cực tham gia thực hiện các chính sách xã hội. Số DN thành viên bị thua lỗ giảm dần. Sự ra đời các TCT đã làm giảm đầu mối quản lý cho các cấp chủ quản, giúp cho các bộ ngành quản lý kinh tế kỹ thuật sâu hơn qua việc xây dựng các chiến lược phát triển ngành. Tách quản lý nhà nước ra khỏi SXKD.

Hai là, phần lớn các TCT đã xây dựng chiến lược phát triển SXKD dài hạn để chỉ đạo các DN thành viên cùng phối hợp thực hiện theo định hướng thống nhất. Nhờ đó giảm dần tình trạng các DN tự lo theo kiểu khép kín, chằng những không tạo thành sức mạnh chung mà nhiều khi còn cạnh tranh, chèn ép làm suy yếu lẫn nhau.

Ba là, một vài TCT đã huy động nguồn lực nội bộ trong toàn TCT kết hợp với huy động các nguồn vốn khác để điều hòa thực hiện các chương trình đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất tăng khả năng cạnh tranh, khai thác thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, hỗ trợ các DN gặp khó khăn theo cơ chế liên doanh, tín dụng nội bộ hoặc hỗ trợ cán bộ quản lý có năng lực, chấn chỉnh tình trạng cạnh tranh bừa bãi giữa các DN thành viên trong xuất nhập khẩu, tổ chức các dịch vụ chung. Trong vòng 3 năm, các TCT Bưu chính viễn thông đã mạnh dạn đầu tư theo hướng đi trước đón đầu, tăng gấp đôi năng lực cung cấp dịch vụ thông tin với chất lượng tương đối cao. Các TCT cũng đã thực hiện vai trò chỉ đạo và định hướng hoạt động cho từng DNTV.

Bốn là, các TCT đã làm nòng cốt trong việc đảm bảo các cân đối chủ yếu của nền kinh tế về những hàng hóa, vật tư chiến lược và các hàng tiêu dùng thiết yếu như điện, điện tử, than, dầu khí, xi măng, sắt thép... cân đối ngoại tệ, góp phần quan

trọng vào bình ổn giá cả và duy trì sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Các hạn chế của TCT:

Thứ nhất, tuy đã được liên kết lại nhưng các TCT có qui mô khá nhỏ so với qui mô tập đoàn đa quốc gia của Nhật, Mỹ

Thứ hai, hiệu quả hoạt động SXKD của các TCT chưa tương xứng với mức đầu tư, ưu đãi của nhà nước dành cho TCT. Nhiều TCT độc quyền, vì thế giá sản phẩm, dịch vụ không phù hợp với qui luật của thị trường. Sự tồn tại các TCT độc quyền không tạo được môi trường cạnh tranh lành mạnh cho nền kinh tế.

Thứ ba, nhiều TCT trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, còn ỷ lại chưa chủ động tháo gỡ khó khăn, vượt lên chính mình, nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy hiệu quả hoạt động SXKD của các TCT còn hạn chế.

Thứ tư, việc thành lập các TCT bằng quyết định hành chính, chế độ chủ quản vẫn tồn tại và can thiệp sâu vào hoạt động SXKD. Mối quan hệ giữa các TCT, các công ty thành viên (CTTV) và cơ quan chủ quản mang nặng tính hành chính, chưa dựa trên yếu tố sở hữu vốn, cơ chế quản lý tài chính chưa rõ ràng gây trở ngại cho các CTTV với tư cách là pháp nhân độc lập thực hiện quyền tự chủ kinh doanh. TCT là khâu quản lý trung gian hơn là liên kết kinh tế.

Các ưu thế của mô hình MHCTM-CTC so với TCT:

- Về tư cách pháp nhân : TCT là một pháp nhân, các CTTV của TCT là những pháp nhân độc lập chưa đầy đủ, vì vậy một số hoạt động của CTTV luật pháp yêu cầu phải có ủy quyền của TCT như lĩnh vực đầu tư, tài chính, tổ chức cán bộ, theo mô hình CTM-CTC, CTM và CTC là những pháp nhân kinh tế đầy đủ, độc lập, bình đẳng với nhau trước pháp luật. Mô hình này giúp các CTC tự chịu trách nhiệm, chủ động và linh hoạt trong SXKD của mình.

- Về sở hữu : TCT là sự liên kết nhiều công ty đều thuộc sở hữu nhà nước. Hội đồng quản trị (HĐQT) TCT chỉ là cơ quan quản lý hoạt động TCT, chưa có đầy đủ quyền của chủ sở hữu. Mô hình CTM-CTC xác lập đầy đủ quyền của chủ sở hữu và của DN. CTM, CTC được tổ chức nhiều loại hình công ty, với nhiều hình thức sở hữu, rất thuận tiện trong việc huy động vốn.

- Về cơ cấu tổ chức : Cơ cấu tổ chức của TCT có mối quan hệ hình chóp, giới hạn có 3 cấp là TCT, CTTV hạch toán độc lập và đơn vị hạch toán phụ thuộc. Mô hình CTM-CTC có dạng phẳng mà trung tâm là CTM được bao bọc bởi các CTC xung quanh theo các tầng nấc khác nhau, tùy theo mức chặt chẽ, bán chặt chẽ, lỏng lẻo khác nhau và mối quan hệ giữa CTM và CTC là mối quan hệ pháp nhân với pháp nhân.

- Về mối quan hệ : Mối quan hệ giữa TCT với CTTV là quan hệ cấp trên-cấp dưới theo kiểu hành chính, chưa dựa trên quan hệ tài chính, đầu tư, hợp đồng kinh tế, chiến lược phát triển chung hoặc các quan hệ bình đẳng giữa pháp nhân, chưa tạo sự liên kết hữu cơ của các CTTV có mối liên hệ về lợi ích kinh tế, sản xuất, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, thị trường, Mối quan hệ giữa CTM và CTC được xác định rõ ràng. CTM thực hiện quyền kiểm soát chặt chẽ đối với các CTC và có sự phân định trách nhiệm cụ thể và tuân theo cơ chế và thủ tục chuẩn một cách nghiêm ngặt. Mối quan hệ giữa TCT với các ĐVTV đã thay đổi từ kiểu hành chính, cấp trên - cấp dưới với cơ chế TCT giao vốn sang kiểu quan hệ CTM -TCT thực hiện việc đầu tư, góp vốn vào các CTC. Phương thức điều hành trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính được thay bằng phương thức chi phối về vốn, công nghệ, thị trường, thương hiệu của CTM với tư cách nhà đầu tư đối với CTC thông qua người đại diện phần vốn của CTM tại CTC. Đây là mối liên hệ bền chặt về lợi ích kinh tế khắc phục được những bất hợp lý của việc gắn kết với nhau về hành chính như mô hình trước đây .

- Về trách nhiệm : Trách nhiệm của TCT đối với CTTV là vô hạn. Trách nhiệm của CTM đối với CTC là hữu hạn.

- Về thành lập CTTV (CTC): Các CTTV hạch toán độc lập không phải do TCT thành lập, mặc dù về mặt pháp lý TCT là chủ sở hữu. CTM là người sáng lập hoặc tham gia sáng lập các CTC.

- Về chức năng quản lý: Phần lớn bộ máy của TCT chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính. Cơ chế giao vốn, giao kế hoạch, quản lý cán bộ... là hạn chế quyền chủ động của các CTTV. Theo MHCTM-CTC thì CTM thực hiện chức năng như một DN sản xuất, marketing, nghiên cứu và phát triển, tài chính... Cơ chế đầu tư vốn của CTM vào CTC tạo nên mối quan hệ vững chắc về lợi ích kinh tế, phân định rõ ràng quyền của chủ đầu tư và quyền của DN.

- Về quá trình hình thành TCT: Quá trình hình thành TCT phải có các CTTV tồn tại trước khi có TCT. Theo MHCTM-CTC thì CTM sáng lập hoặc tham gia sáng lập các CTC. Có như vậy CTM mới thực sự là ông chủ của phần vốn của mình đang đầu tư vào CTC.

- Về huy động vốn, cơ cấu vốn đầu tư: Mô hình TCT không cho phép huy động vốn một cách có hiệu quả, không cho phép TCT thay đổi cơ cấu vốn đầu tư trong các CTTV một cách linh hoạt. Mô hình CTM-CTC cho phép huy động vốn một cách có hiệu quả, cho phép CTM thay đổi cơ cấu vốn đầu tư trong các CTC một cách linh hoạt.

- Về hình thức tổ chức và quản lý: TCT và các DNTV là DNNN nên hoạt động của nó bị chi

phối bởi luật DNNN. CTM-CTC là hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh gồm nhiều loại hình DN như CTCP, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)... vì vậy tính đa dạng của hình thức tổ chức và quản lý trong CTM - CTC rất cao .

- Về tài chính, hạch toán: CTM và CTC đều có quy chế tài chính riêng, phù hợp với hình thức sở hữu, luật điều chỉnh. Báo cáo tài chính của CTM chỉ phản ánh hoạt động SXKD tại CTM, vốn, tài sản của CTM và phần vốn đầu tư vào CTC, không bao gồm tài sản và kết quả hoạt động của CTC .

Mô hình CTM-CTC được hầu hết các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới áp dụng, tuy nhiên việc nghiên cứu thành lập mô hình CTM-CTC trong các TCT ở Việt Nam là vấn đề mới mẻ, nhưng là yêu cầu hết sức cấp thiết trong quá trình tổ chức và sắp xếp lại các TCT. Với ưu điểm mô hình CTM-CTC đã được phân tích trên sẽ giúp cho các TCT khắc phục được những hạn chế, vướng mắc để tạo điều kiện phát triển trở thành TĐKT mạnh, giữ vị trí trụ cột của khu vực kinh tế nhà nước, góp phần quan trọng vào việc khẳng định vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc chuyển các TCT hoạt động theo mô hình CTM-CTC sẽ tạo sự kết hợp, đan xen hài hòa hoạt động giữa các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho các TCT có thể thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế nhanh chóng và có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, việc vận dụng mô hình CTM-CTC trong các TCT không nên áp dụng máy móc theo mô hình mẫu của các nước đã phát triển mà nó phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng TCT.

Tóm lại:

CPH là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, một bộ phận cấu thành quan trọng của chương trình cải cách DNNN. Việc CPH không dừng lại ở đơn vị nhỏ, riêng lẻ mà nó phát triển đến các TCT, đến nhiều ngành trong nền kinh tế quốc dân để hình thành các TĐKT lớn về qui mô, mạnh về vốn hoạt động theo mô hình CTM-CTC.

Hiện nay mô hình CTM-CTC được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là những nước phát triển tùy thuộc vào tình hình thực tế của từng DN hay các thể chế riêng của từng nước mà mô hình CTM-CTC được xây dựng và phát triển theo nhiều hướng khác nhau. Tuy nhiên, dù ở lĩnh vực nào, quốc gia nào thì nó vẫn thể hiện được ưu điểm vượt trội của mình về cơ chế quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN.

Đối với Việt Nam đã và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sự cạnh tranh đối với các DN, các tập đoàn lớn của nước ngoài là điều không thể không quan tâm. Vì vậy, *việc xây dựng hệ thống các DN vững mạnh có đủ tiềm lực để cạnh tranh đối với các công ty đa quốc gia là việc làm hết sức cần thiết* ■